TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày: 19 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tấn và ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Thế Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN H, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1992 tại L - Hòa Bình. Nơi ĐKHKTT/Chỗ ở: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Trần Thị V; bị cáo từng có vợ là Bùi Thị X (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/5/2013 bị Toà án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo Bản án số 226/2013/HS-ST; ngày 29/10/2019, bị Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo bản án số 36/2019/HS-ST; ngày 22/6/2021 bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã theo Quyết định số 02/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình do nghiện chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/02/2024, tạm giam từ ngày 06/02/2024. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn B, sinh năm 1984. Trú tại: Phố M, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Ông Quách Văn T, sinh năm 1997. Trú tại: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Bà Trần Thị V, sinh năm 1955. Trú tại: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ *Người chứng kiến:* Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1973. Trú tại: Xóm K, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1994. Trú tại: Xóm B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 04/02/2024, tại đoạn đường thuộc xóm K, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Phạm Văn H bị Công an xã T bắt quả tang tàng trữ trong túi quần bên trái Phạm Văn H đang mặc 01 gói giấy bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng. Bị cáo Phạm Văn H khai đó là chất ma túy do Quách Văn T đưa tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng nhờ bị cáo đi mua của Bùi Văn B về để sử dụng chung.

Tang vật thu giữ được tại giai đoạn điều tra và quá trình xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm toàn bộ số ma túy thu giữ khi bắt quả tang Phạm Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung cũ đã qua sử dụng. Các vật chứng nêu trên được niêm phong theo quy định của pháp luật hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình chờ xử lý.

Tại kết luận giám định số 113/KL-KTHS, ngày 06/02/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H kết luận: Chất bột dạng cục màu trắng thu giữ từ bị cáo Phạm Văn H là H1, khối lượng 0,11 *(Không phẩy mười một)* gam. Heroine nằm trong danh mục IA, số thứ tự 09 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Tại Bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 20/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với Quách Văn T là người nhờ bị cáo mua ma tuý và Bùi Văn B là người bán ma tuý cho bị cáo theo lời khai của bị cáo Phạm Văn H, kết quả điều tra không đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của Quách Văn T và Bùi Văn B nên Cáo trạng không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh, điều khoản luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc cận nghèo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo do bị cáo là người không có điều kiện về kinh tế. Về vật chứng của vụ án: đề nghị tịch thu, tiêu hủy phong bì niêm phong bên trong chứa chất ma túy là mẫu vật hoàn lại sau

giám định. Đối với chiếc điện thoại là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị V, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bà Trần Thị V.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung cáo trạng phản ánh; không kêu oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị V có yêu cầu xin lại tài sản đang bị tạm giữ là chiếc điện thoại di động Samsung mà bị cáo dùng liên lạc trước khi bị bắt quả tang phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra, của Kiểm sát viên, của Viện Kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo gì về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo:* Ngày 04/02/2024, bị cáo Phạm Văn H đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý; đã để trong túi quần bên trái của mình đang mặc 0,11 (Không phẩy mười một) gam ma túy, loại Heroine mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Số lượng ma túy bị cáo tàng trữ nằm trong khoảng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:* Tội phạm mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất gây nghiện của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Bản thân bị cáo là người có nhận thức xã hội, có hiểu biết pháp luật, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng lại nghiện chất ma túy, không từ bỏ được ma túy. Ma túy là hiểm họa của xã hội, là nguyên nhân gây mất an ninh trật tự xã hội, gây ra các tệ nạn xã hội và là nguồn gốc làm phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy, biết nhà nước cấm tàng trữ các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện để thoả mãn nhu cầu nghiện chất ma tuý của mình. Bị cáo có nhân thân xấu: đã hai lần bị xét xử về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích và để răn đe,

phòng ngừa chung. Đối với Quách Văn T và Bùi Văn B theo lời khai của bị cáo là người đưa tiền và nhờ bị cáo đi mua ma túy, người bán ma túy cho bị cáo nhưng kết quả điều tra không đủ căn cứ chứng minh tội phạm, Cáo trạng không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp Cơ quan điều tra có đủ căn cứ chứng minh tội phạm đối với Quách Văn T và Bùi Văn B thì sẽ bị xử lý bằng vụ án khác.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ. Đây là tình tiết Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo là người có thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] *Về vật chứng của vụ án:* Vật chứng là 0,07g Heroine mẫu vật hoàn lại sau giám định của Phòng K - Công an tỉnh H là chất ma túy, là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại S, bị cáo và bà Trần Thị V đều khẳng định là thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị V. Bà Trần Thị V không biết bị cáo lấy điện thoại của mình liên lạc trước khi bị bắt, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bà Trần Thị V.

[7] *Về án phí:* Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính ngày tạm giữ 04/02/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 Phong bì niêm phong của Phòng K - Công an tỉnh H bên trong có chứa 0,07g ma túy còn lại sau giám định.

Trả lại cho bà Trần Thị V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình có đặc điểm cụ thể theo Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho số NK 000040 ngày 27/5/2024).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặt từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Cơ quan điều tra – CA Lạc Sơn;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn